

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-KTKT, ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: Kế toán

Mã ngành: 6340302

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kế toán viên trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức chuyên sâu về kế toán, có kỹ năng thực hành về nghiệp vụ kế toán, có khả năng giải quyết những vấn đề về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Kiến thức về luật pháp nói chung, trong lĩnh vực kế toán nói riêng;
- Kiến thức về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam trong từng giai đoạn;
- Kiến thức tin học, ngoại ngữ;
- Những kiến thức chung về kinh tế- xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng
- Kiến thức chuyên sâu về kế toán;
- Kiến thức về thuế; quản lý tài chính, tài chính các doanh nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng hạch toán các nghiệp vụ kế toán phát sinh tại doanh nghiệp.
- Có khả năng giải quyết vấn đề về nghiệp vụ kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị.
- Có kỹ năng phân tích và tư vấn các vấn đề tài chính kế toán tại doanh nghiệp
- Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng và phần mềm kế toán chuyên dụng
- Có kỹ năng sắp xếp, bảo quản và lưu trữ chứng từ, sổ kế toán theo quy định.
- Có khả năng đọc hiểu các văn bản pháp luật trong lĩnh vực kế toán, thuế, quản lý tài chính.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt để tự tin trong lĩnh vực kế toán tài chính.
- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- gương mẫu, thường xuyên đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm pháp luật trong quản lý kinh tế, tài chính của đơn vị và trong đời sống kinh tế xã hội.
- Có tinh thần làm chủ, trung thực, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư trong công tác được giao, có tác phong làm việc cẩn thận và chính xác.
- Có đủ sức khoẻ để đảm nhận công việc kế toán.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành kế toán trình độ cao đẳng có thể làm việc với vị trí nhân viên phụ trách kế toán tại các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực kinh doanh và các cơ quan nhà nước.

Người học tốt nghiệp ngành kế toán trình độ cao đẳng có thể đảm nhận công việc nhân viên thu ngân hoặc nhân viên bán hàng trong các đơn vị kinh doanh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 33
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ (không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ) (Ghi số tín chỉ của ngành)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.860 giờ (70 TC)
- Khối lượng lý thuyết: 720 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.575 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC108	Giáo dục Chính trị 1	2	30	20	8	2
CMC205	Giáo dục Chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4

CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC109	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
CMC207	Tiếng Anh 2	3	75	27	44	4
CXH101	Công tác xã hội	1	45		45	
II	Các môn học chuyên môn	70	1.860	485	1.320	55
II.1	Môn học cơ sở	10	180	110	60	10
CKT101	Kinh tế vi mô	2	45	13	30	2
CNH202	Tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng	3	45	42		3
CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
CKT304	Soạn thảo văn bản	2	30	28		2
II.2	Môn học chuyên môn	51	1.395	319	1.035	41
CNH307	Tài chính doanh nghiệp	2	45	12	30	3
CNH305	Thuế	3	60	27	30	3
CKT306	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4	90	25	60	5
CKT407	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	4	90	25	60	5
CKT409	Kế toán thương mại dịch vụ	2	45	13	30	2
CKT203	Kế toán quản trị	2	45	11	30	4
CKT408	Hệ thống thông tin kế toán	3	45	42		3
CKT404	Pháp luật và tổ chức công tác kế toán	2	30	28		2
CKT504	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2	45	13	30	2
CKT301	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	26	30	4
CKT406	Tin học kế toán	2	45	13	30	2
CKT401	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	43		2
CKT502	Kiểm toán	2	30	28		2
CKT505	Kế toán máy	2	45	13	30	2
CKT307	Thực tập doanh nghiệp 1	5	225		225	
CKT506	Thực tập doanh nghiệp 2	5	225		225	
CKT601	Thực tập doanh nghiệp 3	5	225		225	
II.3	Môn học tự chọn	4	60	56		4
CKD203	Marketing căn bản	2	30	28		2
CKT507	Kế toán Ngân sách xã phường	2	30	28		2
CTM101	Nguyên lý thống kê	2	30	28		2
CKT508	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
Tổng cộng		90	2.295	642	1.575	78

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG